

Bản án số: 82/2020/HS-ST
Ngày 30-10-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hạnh Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2020/HSST ngày 01-10-2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh năm 1992; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn C và bà Phạm Thị X, có vợ là Đỗ Thị B và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/6/2020 đến ngày 03/7/2020 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay, có mặt.

- Người bị hại: Anh Trần Công A, sinh năm 1992.

Trú tại: thôn L, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ **Bùi Duy D**, sinh ngày 18/7/2000; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn V, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

+ **Trần Mạnh C**, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn A, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Hiện bị án D, C đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến- Bộ Công an.

+ **Phan Văn P**, sinh năm 1997; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn A, xã A, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Hiện bị án P đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà- Bộ công an.

+ Ông **Lê Văn C**, sinh năm 1960.

+ Bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1963.

+ Chị **Hà Thị H**, sinh năm 1994.

+ Chị **Đỗ Thị B**, sinh năm 1998;

Đều trú tại: thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Những người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 4/2019, chị Hà Thị H quen biết anh Trần Công A qua mạng xã hội. Chiều tối ngày 08/4/2019, anh Công A đến Công ty Y nơi chị H làm việc rủ đi chơi và ăn uống. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, anh Công A đưa chị H về nhà thì gặp mẹ chồng là bà Phạm Thị X, bà X cho rằng chị H không chung thủy nên đã sang gọi con trai là Lê Văn N (là em chồng chị H) kể về việc chị H có quan hệ nam nữ bất chính. Thấy vậy, N đi sang nhà gặp và mượn điện thoại Iphone 6S Plus màu trắng sữa của chị H để kiểm tra nhưng chị H đã xóa nội dung tin nhắn với anh Công A nên không thấy gì. Khoảng 15 phút sau, khi N đang cầm điện thoại của chị H thì thấy tin nhắn của Công A gửi đến với nội dung *“Về nhà có bị mất không, còn đau bụng không”*. N nhắn lại với nội dung bảo anh Công A quay lại đón chị H, tưởng là chị H nhắn nên anh Công A đồng ý. Sau đó N gọi điện thoại cho Trần Mạnh C đến, cùng lúc có Phan Văn P và Bùi Duy D cũng đến nhà N lấy áo do để quên. N nói cho D, P, C biết và rủ ở lại để đánh anh Công A, cả ba đồng ý và đứng ở sân nhà bà X chờ. Khi anh Công A vừa đi xe máy đến, cả 4 người chạy ra cổng giữ Công A lại, cả bốn dùng tay chân đánh Công A, N bảo D, P, C đưa Công A vào sân nhà ông C (bố đẻ N). D giữ tay, P túm cổ áo Công A, còn C dong xe máy đưa vào trong sân. Khi vào trong sân, cả 4 người cùng đánh bằng tay chân làm Công A sợ hãi không dám chống cự. Sau đó, N yêu cầu Công A đưa điện thoại Iphone 6S Plus, có số sim 0901.597.... và yêu cầu đọc mật khẩu, N kiểm tra thấy tin nhắn qua lại giữa Công A và chị H xưng hô vợ chồng với nhau, rồi N đưa điện thoại cho C, P, D xem, D xem xong cầm điện thoại rút túi quần, sau đó cả 4 tiếp tục dùng chân tay đánh đấm. Anh Công A sợ hãi định bỏ chạy thì N hô *“trói nó lại”*, N, P, D giữ hai tay Công A bẻ về phía sau, C dùng sợi dây buộc giày trói hai tay Công A và bắt quỳ ở hiên nhà đồng thời đánh và tra hỏi Công A về mối quan hệ với chị H trong khoảng thời gian 10 đến 15 phút. Lúc này ông Lê Văn C (bố chồng chị H) đi xe máy về, biết chuyện nên đã đuổi D, C, P ra và vào tát vào mặt Công A mấy cái đồng thời hỏi về mối quan hệ với chị H, sau đó ông C yêu cầu nhóm N cởi trói để Công A về nhà. Lúc này, N, D, P, C đang đứng ở ngoài cổng, N bảo với cả nhóm *“Tý vào lòi nó ra cổng lấy dây chuyền, tiền của nó và kiểm tra trong người nó xem có tài sản gì thì lấy hết”*, C, D, P đồng ý. Sau đó D, P vào cởi trói cho Công A đưa ra cổng, tại đây, P tháo dây chuyền vàng tây trên cổ Công A, D móc chiếc ví trong túi quần bỏ bên phải của Công A lấy số tiền 7.000.000 đồng và trả lại chiếc ví. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, dây chuyền và tiền, cả nhóm đưa Công A ra ngã ba thôn T, xã C để Công A về. Khi ra đến ngã ba T, D mượn xe

máy của Công A đi ăn tối, Công A đồng ý. Trong lúc Công A, N, C, P đứng chờ, thì ông C đi xe máy đến và hỏi Công A “Sao chưa về”, Công A trả lời “Các anh lột hết đồ của cháu rồi”, ông C liền bảo “Đứa nào lấy cái gì của nó thì trả cho nó về đi”, P gọi điện bảo D mang xe máy về trả Công A. Khi D mang xe máy về trả Công A thì Công A nói không có tiền đi về, nên D đưa cho Công A 100.000 đồng. Sau đó N, C, P đi về nhà N, D nhờ Công A chở đến Công ty GFT rồi gọi điện cho P đến chở về. Ngay sau đó, anh Công A đến trình báo Công an huyện Tứ Kỳ.

Đến sáng ngày 09/4/2019, D tháo sim trong máy điện thoại của Công A vứt đi và lắp sim của mình vào sử dụng. Số tiền chiếm đoạt của Công A, D đưa cho N 4.000.000 đồng, số còn lại D cầm. Đến tối ngày 09/4/2019, sau khi nhận được thông báo từ gia đình về việc Công an đến nhà mời làm việc thì C, N, P, D bỏ trốn vào nhà anh Bùi Duy N (là anh họ C) ở tỉnh Đắk Nông. Trước khi bỏ trốn, P bán sợi dây chuyền đã chiếm đoạt của anh Công A tại TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình được 03 triệu đồng, toàn bộ số tiền chiếm đoạt và số tiền bán dây chuyền, N cùng đồng bọn đã chi tiêu hết. Sau đó Bùi Duy D, Trần Mạnh C bị bắt giữ, Phan Văn P ra đầu thú, Lê Văn N bỏ trốn và bị truy nã. Đến ngày 30/6/2020, N đến phòng Cảnh sát hình sự Công an TP Hà Nội đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐGTS ngày 25/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng gold mua tại TP. Hải Phòng năm 2018, tại thời điểm ngày 08/4/2019 có giá trị là 4.000.000 đồng;

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KL-ĐGTS ngày 28/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự- UBND huyện Tứ Kỳ kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng tây dài khoảng 35cm, hình tròn dạng ống, mỗi đoạn nối dài khoảng 1,5cm được mua vào ngày 25/02/2018, tại thời điểm ngày 08/4/2019 có giá trị là 3.500.000 đồng;

Tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKS-TK ngày 30-9-2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 168 BLHS.

Tại phiên toà: VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 38 BLHS. Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Cướp tài sản”; Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ **04** năm **09** tháng tù đến **05** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết; Về xử lý vật chứng: không phải giải quyết. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo N thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và xác định VKSND huyện Tứ Kỳ truy tố về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Người bị hại anh Trần Công A xin giải quyết vắng mặt, xác nhận gia đình bị cáo N đã cùng gia đình các bị cáo D, P, C tự nguyện bồi thường tổng số tiền

50.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự: Về hình phạt, đề nghị HĐXX đề nghị Tòa án xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 08/4/2019, tại nhà ông Lê Văn C ở thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Lê Văn N, Bùi Duy D, Phan Văn P, Trần Mạnh C đã có hành vi dùng tay chân đánh anh Trần Công A, chiếm đoạt 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu vàng gold trị giá 4.000.000 đồng. Sau đó N, D, P, C tiếp tục đánh, trói anh Trần Công A bắt quỳ ở một chỗ, vừa tiếp tục đánh vừa tra hỏi anh Công A về mối quan hệ với chị H (chị dâu N), sau khi được ông C về yêu cầu cởi trói cho Công A. N và đồng bọn tiếp tục lôi anh Công A ra Cổng chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng tây trị giá 3.500.000 đồng và số tiền 7.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản N và đồng bọn chiếm đoạt của anh Công A là 14.500.000 đồng.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi dùng vũ lực (bằng chân tay) và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho anh Công A sợ hãi không dám chống cự nhằm chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện đã cấu thành tội “Cướp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của BLHS. Vì vậy, quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ đối với bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Trong vụ án này, N và đồng bọn còn có dấu hiệu của tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”. Khi xét xử đối với các bị cáo D, P, C, Tòa án đã Quyết định trả hồ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ để điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Căn cứ vào khoản 1 Điều 298 của BLTTHS quy định về giới hạn của việc xét xử, Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến hai khách thể quan trọng đó là quyền nhân thân và quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân, do vậy, cần phải xem xét, xử lý nghiêm trước pháp luật.

[6] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, đối với vị trí, vai trò của các bị cáo D, P, C đã được xác định tại bản án 16/2020/HS-ST, ngày 19/02/2020 của TAND

huyện Tứ Kỳ. Trong vụ án này, N là người trực tiếp rủ D, P, C đánh anh Công A, yêu cầu bị hại đưa điện thoại để đồng bọn chiếm đoạt, là người khởi xướng việc lấy dây chuyền, tiền của anh Công A nên bị cáo giữ vai trò chính.

[7] Xét tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, điều kiện nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Mặc dù bị cáo hai lần thực hiện hành vi cướp tài sản của anh Công A. Tuy nhiên do hành vi của bị cáo diễn ra liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian và cùng một người bị hại nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[8] Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tác động để gia đình bồi thường cho người bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS; Sau khi bỏ trốn và bị truy nã, bị cáo đã ra “đầu thú” nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và là người có nhân thân tốt, vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, song dù có giảm nhẹ vẫn cần thiết buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để chấp hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và đấu tranh, phòng ngừa chung trong xã hội. Mặc dù bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là đầu thú, tuy nhiên sau khi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố và là người giữ vai trò chính trong vụ án nên mức hình phạt của bị cáo phải cao hơn các bị cáo khác đã bị xét xử mới tương xứng với vị trí, vai trò của bị cáo và đảm bảo lẽ công bằng.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra vụ án, gia đình bị cáo N đã cùng với gia đình các bị cáo D, P, C bồi thường 50.000.000 đồng cho người bị hại. Anh Công A đã nhận đủ số tiền trên không có yêu cầu bồi thường gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 đoạn dây vải (dạng dây giày) đã được giải quyết tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST, ngày 19/02/2020 của TAND huyện Tứ Kỳ nên không đặt ra giải quyết.

[12] Đối với hành vi của Bùi Duy D, Phan Văn P, Trần Mạnh C đã được xét xử tại bản án số 16/2020/HS-ST, ngày 19/02/2020 của TAND huyện Tứ Kỳ. Đối với ông Lê Văn C, bà Phạm Thị X, chị Hà Thị H, chị Đỗ Thị B không biết bị cáo chiếm đoạt tài sản của anh Công A nên không phải chịu trách nhiệm.

[13] Đối với anh Bùi Văn N biết bị cáo N và đồng bọn cướp tài sản của anh Công A nhưng vẫn cho N ở nhờ nhà mình trong quá trình bỏ trốn trong tỉnh Đắk Nông. Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện Tứ Kỳ đã có Công văn gửi Công an huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và xử lý sau.

[14] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn N** phạm tội “*Cướp tài sản*”.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Văn N 05 (năm)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 30/6/2020

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan THA hình sự- CA huyện Tứ Kỳ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; người bị hại;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Tứ Kỳ;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quân